

CHÍNH PHỦ
Số: 10/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 1 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra công tác dân tộc

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 06 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Thanh tra công tác dân tộc là cơ quan thanh tra nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban); ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Ban Dân tộc hoặc cơ quan có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ban).

2. Thanh tra công tác dân tộc thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân tộc và Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc tại Việt Nam.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của thanh tra công tác dân tộc phải tuân thủ theo pháp luật đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân là đối tượng

thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, thủ trưởng cơ quan thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên và các thành viên đoàn thanh tra phải tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 4. Mối quan hệ công tác

1. Các cơ quan thanh tra công tác dân tộc hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc cùng cấp, đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức, nghiệp vụ thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Cơ quan thanh tra công tác dân tộc phối hợp với cơ quan Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác của Nhà nước trong quá trình thanh tra đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra; phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động của thanh tra công tác dân tộc

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra công tác dân tộc trong phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc; kiện toàn tổ chức bộ máy của Thanh tra Ủy ban; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ủy ban theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm tổ chức, kiện toàn tổ chức, trang bị phương tiện làm việc cho Thanh tra Ban Dân tộc.

3. Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho Thanh tra Ban Dân tộc; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 6. Tổ chức của thanh tra công tác dân tộc

1. Tổ chức của thanh tra công tác dân tộc gồm:

- a) Thanh tra Ủy ban thuộc Ủy ban Dân tộc;
- b) Thanh tra Ban thuộc Ban Dân tộc cấp tỉnh.

Đối với cơ quan có chức năng giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc thì Thanh tra công tác dân tộc thuộc cơ cấu tổ chức của Thanh tra các cơ quan này.

2. Các cơ quan Thanh tra công tác dân tộc quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu riêng.

Điều 7. Thanh tra Ủy ban

1. Thanh tra Ủy ban là cơ quan của Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc.
2. Thanh tra Ủy ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.
3. Thanh tra Ủy ban có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh thanh tra do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra; Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.
4. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập các phòng nghiệp vụ và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Thanh tra Ủy ban.

Điều 8. Thanh tra Ban

1. Thanh tra Ban là cơ quan của Ban Dân tộc tỉnh, có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc của Ban Dân tộc tỉnh.
2. Thanh tra Ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra cấp tỉnh, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Ủy ban.
3. Thanh tra Ban có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh Thanh tra do Trưởng ban Ban dân tộc tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra cấp tỉnh; Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.
4. Biên chế của Thanh tra Ban do Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định.
5. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức theo mô hình Ban Dân tộc - Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, quy định cụ thể về tổ chức, biên chế và hoạt động của Thanh tra Ban Dân tộc - Tôn giáo theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy Ban Dân tộc và Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ủy ban

1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra.
2. Thanh tra trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban.
3. Thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Dân tộc theo quy định của pháp luật, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Các quy định về thực hiện chính sách dân tộc của Nhà nước về ưu tiên phát triển đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chương trình dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa;

b) Các quy định về thực hiện mô hình thí điểm, chính sách ưu đãi ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc phê duyệt.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc cho Thanh tra Ban; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra.

7. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Ủy ban Dân tộc.

8. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.

9. Kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc khi phát hiện những cơ chế, chính sách đó không phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc giao.

Điều 10. Nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Thanh tra Ủy ban

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trưng tập cộng tác viên thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét xử lý trách nhiệm người có hành vi vi phạm; tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân tộc khi có đủ căn cứ cho rằng các hành vi vi phạm, quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

7. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xử lý việc chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra và giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra, trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng thanh tra theo quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.

8. Lãnh đạo Thanh tra Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ban